

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	31/12/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		267.676.684.943	366.212.846.611
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	64.999.693.433	47.209.886.501
1. Tiền	111		14.390.839.408	18.336.045.484
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.608.854.025	28.873.841.017
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	38.887.653.919	7.537.639.389
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		38.887.653.919	7.537.639.389
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		67.311.409.452	145.865.879.676
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	61.491.799.717	73.339.404.755
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.523.903.535	8.248.852.208
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	3.978.749.548	69.346.930.114
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(6.683.043.348)	(5.069.307.401)
IV. Hàng tồn kho	140		96.420.705.031	163.463.148.280
1. Hàng tồn kho	141	V.7	97.235.693.613	163.785.134.317
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(814.988.582)	(321.986.037)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		57.223.108	2.136.292.765
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	56.234.704	17.637.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	2.118.655.765
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	988.404	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		223.200.945.821	111.208.201.676
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		94.021.262.295	22.277.990.834
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	16.918.431.393	16.918.431.393
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	77.102.830.902	5.359.559.441
II. Tài sản cố định	220		12.975.060.800	16.053.865.732
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	12.785.334.575	15.820.356.532
- Nguyên giá	222		25.324.377.818	26.142.723.158
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(12.539.043.243)	(10.322.366.626)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	189.726.225	233.509.200
- Nguyên giá	228		350.263.800	350.263.800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(160.537.575)	(116.754.600)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.225.478.801	147.210.458
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	1.225.478.801	147.210.458
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	104.719.287.035	65.284.553.704
1. Đầu tư vào công ty con	251		77.519.345.695	77.519.345.695
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		260.000.000	260.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(160.058.660)	(13.094.791.991)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		27.100.000.000	600.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.259.856.890	7.444.580.948
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	5.068.090.208	2.800.719.605
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	5.191.766.682	4.643.861.343
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		490.877.630.764	477.421.048.287

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		250.526.924.047	272.297.676.287
I. Nợ ngắn hạn	310		215.782.192.047	253.637.926.287
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	44.158.837.136	48.799.328.778
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	52.927.275.000	34.584.957.167
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.15	5.096.166.469	2.261.306.402
4. Phải trả người lao động	314		2.412.131.546	3.112.350.137
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	62.992.634.449	31.211.995.116
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	20.132.208.257	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	1.940.368.000	3.158.871.086
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	19.463.298.117	128.674.011.509
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	1.355.494.407	1.060.295.439
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	5.303.778.666	774.810.653
II. Nợ dài hạn	330		34.744.732.000	18.659.750.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	34.744.732.000	18.659.750.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		240.350.706.717	205.123.372.000
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	240.350.706.717	205.123.372.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.700.000.000	10.700.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		35.776.975.740	30.182.457.785
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		93.873.730.977	64.240.914.215
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		27.410.478.189	9.025.182.671
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		66.463.252.788	55.215.731.544
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		490.877.630.764	477.421.048.287

Tiền Giang, ngày 25 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu



HUỖNH THỊ MỸ HƯƠNG

Kế toán trưởng



LÊ MỸ PHƯỢNG

Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III		9 tháng	
			Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		121.450.844.017	47.199.151.612	287.107.125.205	132.603.995.290
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		109.008.591	-	109.008.591	1.539.091
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	121.341.835.426	47.199.151.612	286.998.116.614	132.602.456.199
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	107.152.153.659	44.947.715.712	252.248.653.831	122.588.556.636
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		14.189.681.767	2.251.435.900	34.749.462.783	10.013.899.563
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	18.144.068.245	15.369.748.583	52.263.766.942	41.342.230.058
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	43.916.972	615.846.497	952.356.137	1.083.809.172
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		202.207.545	244.277.057	939.187.979	702.711.544
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.011.195.759	517.579.408	4.194.462.936	1.524.375.067
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.053.756.234	3.126.763.694	12.346.324.872	8.954.416.359
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		26.224.881.047	13.360.994.884	69.520.085.780	39.793.529.023
11. Thu nhập khác	31	VI.7	194.461.647	99.613.550	597.532.247	467.365.057
12. Chi phí khác	32	VI.8	10.914.689	-	372.382.467	81.279.046
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		183.546.958	99.613.550	225.149.780	386.086.011
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		26.408.428.005	13.460.608.434	69.745.235.560	40.179.615.034
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.596.571.115	-	3.829.888.111	793.909.433
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(62.023.139)	5.414.186	(547.905.339)	(227.398.470)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		24.873.880.029	13.455.194.248	66.463.252.788	39.613.104.071

Người lập biểu



HUỲNH THỊ MỸ HƯƠNG

Kế toán trưởng



LÊ MỸ PHƯỢNG

Ngày 25 tháng 10 năm 2016

Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Quý 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			-	-
1. Lợi nhuận trước thuế	01		69.745.235.560	40.179.615.034
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.411.584.736	2.555.906.518
- Các khoản dự phòng	03		(10.532.795.871)	(848.209.162)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.314.445)	1.983.910
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(52.241.452.566)	(26.900.706.389)
- Chi phí lãi vay	06		939.187.979	702.711.544
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10.319.445.393	15.691.301.455
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		28.970.636.057	(28.919.393.859)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		66.549.440.704	(107.791.796.227)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		65.146.716.113	(5.625.682.273)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.305.968.307)	(1.900.028.317)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	
- Tiền lãi vay đã trả	14		(972.660.745)	(702.711.544)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.571.410.187)	(1.177.255.442)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(6.691.658.338)	1.191.436.044
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		159.444.540.690	(129.234.130.163)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.476.976.991)	(222.160.865)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		185.794.926	888.986.728
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(57.850.014.530)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	177.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24.609.879.784	1.843.685.651
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(34.531.316.811)	2.687.511.514
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
1. Tiền thu từ đi vay	33		54.402.540.243	162.048.863.582
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(147.528.271.635)	(45.621.325.920)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.000.000.000)	(16.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(107.125.731.392)	100.427.537.662
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		17.787.492.487	(26.119.080.987)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		47.209.886.501	80.587.505.417
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.314.445	(1.983.910)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		64.999.693.433	54.466.440.520

Tiền Giang, ngày 25 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





HUỖNH THỊ MỸ HƯƠNG

LÊ MỸ PHƯỢNG

TRẦN HOÀNG HUÂN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2016

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 09 năm 2014.

Tên tiếng Anh: TIEN GIANG INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: TICCO.

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).

Trụ sở chính: 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

Công ty có 05 (năm) đơn vị phụ thuộc và hạch toán kế toán phụ thuộc là: Xí nghiệp Cơ khí sửa chữa, Xí nghiệp kinh doanh Vật liệu xây dựng, Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi, Xí nghiệp Thi công Cơ Giới có trụ sở đặt tại 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và Sàn giao dịch Bất động sản TICCO có trụ sở đặt tại Lô 1 KCN Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/09/2016 là 137 người.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 12 ngày 23 tháng 09 năm 2014, hoạt động của Công ty là:

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh cát san lấp;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi. Chi tiết: Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đấu thầu, giám sát;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo bất động sản;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
- Khai thác vận tải; lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

3. Cấu trúc tập đoàn

3.1. Các công ty con trực tiếp

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Lô số 1, 2, 3, 4, 5, 6 khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Số 3 Lê Lợi, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	75,42%	75,42%

Trong quý 3, công ty thành lập thêm 2 công ty con:

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Vốn điều lệ	Ngày cấp giấy kinh doanh
1	Công ty TNHH MTV Xây dựng Thủy lợi TICCO	90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100%	100%	7.000.000.000đ	22/09/2016
2	Công ty TNHH MTV Cơ khí Công trình TICCO	90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100%	100%	3.500.000.000đ	22/09/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3.2. Công ty liên kết

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty Cổ phần Testco	Lô số 1, 2, 3 khu công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	20,00%	20,00%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Riêng báo cáo này lập cho giai đoạn từ ngày 01/07/2016 đến ngày 30/09/2016

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Các thông tin tài chính đã được soạn lập theo chuẩn mực kế toán Việt nam số 27-Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Tiền và tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp Nhập trước – xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận giá trị TSCĐ hữu hình

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc

05 - 25 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Máy móc thiết bị	02 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm

6. Kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Phân loại các khoản đầu tư

- Nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty con.
- Nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- Nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư dài hạn khác.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các đơn vị khác được trích lập khi các đơn vị này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các đơn vị này theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

8. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn;
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

11. Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập mỗi năm một lần vào cuối niên độ kế toán và chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Đối với dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được lập cho từng công trình xây lắp hoàn thành và được lập vào cuối kỳ kế toán năm hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ.

Đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng, khoản nợ dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.

12. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược và đầu tư tài chính dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;
- Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất khu dân cư Long Thạnh Hưng và khu dân cư đường Trương Định nối dài, Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng và dự án khu nhà ở TM xã Trung An được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết đồng thời thủ tục chuyển quyền sử dụng đất sang tên cho người mua đã được hoàn tất.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu được xác định khi Công ty xuất hóa đơn cho khách hàng theo 2 trường hợp:

- Khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành và xác nhận giữa hai bên A và B cho từng giai đoạn của hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện hoàn thành theo tiến độ hợp đồng xây dựng.

Chi phí của hợp đồng xây dựng

Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng xây dựng.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số dư 30/09/2016	Số dư 31/12/2015
Tiền mặt	354.757.049	480.625.977
Tiền gửi ngân hàng	14.036.082.359 (1.1)	17.855.419.507
Các khoản tương đương tiền	50.608.854.025 (1.2)	28.873.841.017
Cộng	64.999.693.433	47.209.886.501

(1.1) Tại ngày 30/09/2016 tiền gửi ngân hàng là 14.036.082.359 đồng bao gồm:

+ Tiền gửi VND: 13.942.293.632 đồng

+ Tiền gửi USD: 8.678.612 đồng (Tương đương 389,35 USD)

+ Tiền gửi EUR: 85.110.115 đồng (Tương đương 3.384,1 EUR)

(1.2) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số dư 30/09/2016	Số dư 31/12/2015
Ngắn hạn	38.887.653.919	7.537.639.389
Tiền gửi có kỳ hạn	38.887.653.919	7.537.639.389
Dài hạn	27.100.000.000	600.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	27.100.000.000	600.000.000
Cộng	65.987.653.919	8.137.639.389

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm (ngắn hạn) và trên 1 năm (dài hạn) tại các Ngân hàng thương mại.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Số dư 30/09/2016			Số dư 31/12/2015		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	38.000.000.000	-	38.000.000.000	38.000.000.000	-	38.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	25.000.000.000	160.058.660	24.839.941.340	25.000.000.000	13.094.791.991	18.932.791.241
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	14.519.345.695	-	15.923.038.702	14.519.345.695	-	16.367.324.948
Công ty Cổ phần Testco	260.000.000	-	297.337.960	260.000.000	-	324.840.313
Cộng	77.779.345.695	160.058.660	79.060.318.002	77.779.345.695	13.094.791.991	73.624.956.502

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết là giá được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết tại thời điểm lập báo cáo

3. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	Số dư 30/09/2016	Số dư 31/12/2015
Phải thu khách hàng bán vật liệu xây dựng	5.703.839.605	4.414.526.225
Phải thu khách hàng thi công công trình xây dựng	46.669.349.752	64.125.265.320
Phải thu khách hàng sửa chữa, gia công cơ khí	4.113.589.000	2.386.010.994
Phải thu khách hàng thi công cơ giới	2.489.796.690	356.366.435
Phải thu khách hàng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	2.515.224.670	2.057.235.781
Cộng	61.491.799.717	73.339.404.755

Bao gồm các khoản phải thu của các khách hàng sau:

BQL DA ngành NN PTNT Bình Dương	15.017.280	13.448.333.000
Sở NN & PTNT Kiên Giang	92.012.916	7.224.779.000
Sở NN & PTNT Trà Vinh	17.267.277.813	16.696.749.813
Ban QL Đầu Tư & XD Thủy Lợi 10	1.039.414.000	2.082.530.422

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BQL Dự án công trình NN&PT NT Cà Mau	2.176.334.000	3.807.347.000
BQL các DA ĐT XD ngành NN Tiền Giang	5.364.588.900	-
BQL Các dự án đầu tư và xây dựng CT Giao thông Tiền Giang	6.880.029.595	8.770.519.000
BQLDA huyện Gò Công Đông	6.124.316.000	1.364.115.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	3.107.410.903	32.490.000
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	5.106.558.630	3.304.864.678
Các khách hàng khác	14.318.839.680	16.607.676.842
Cộng	61.491.799.717	73.339.404.755

Trong đó phải thu ngắn hạn khách hàng là các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	3.107.410.903	32.490.000
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	5.106.558.630	3.304.864.678
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	-	800.000.000
Cộng	8.213.969.533	4.137.354.678

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số dư 30/09/2016	Số dư 31/12/2015
Trả trước cho người bán kinh doanh VLXD	561.557.856	550.348.839
Trả trước cho người bán thi công công trình	7.380.125.479	6.728.268.508
Trả trước cho người bán sửa chữa, gia công cơ khí	-	3.423
Trả trước cho người bán liên quan đến hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất	582.220.200	970.231.438
Cộng	8.523.903.535	8.248.852.208

Bao gồm các khoản trả trước người bán sau:

Công ty cổ phần 6.3	1.409.202.341	2.657.599.524
Cty TNHH MTV Xây Dựng Ticco	621.104.270	1.981.780.394
Cty CP Xây Dựng TM Thới Bình	3.695.600.000	-
Các khách hàng khác	2.797.996.924	3.609.472.290
Cộng	8.523.903.535	8.248.852.208

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***Trong đó trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan**

Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	768.008.000	768.008.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	621.104.270	1.981.780.394
Cộng	1.389.112.270	2.749.788.394

5. Phải thu về cho vay dài hạn

	<u>Số dư 30/09/2016</u>	<u>Số dư 31/12/2015</u>
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO vay dài hạn	16.918.431.393	16.918.431.393
Cộng	16.918.431.393	16.918.431.393

6. Phải thu khác

	<u>Số dư 30/09/2016</u>	<u>Số dư 31/12/2015</u>
a/ Phải thu ngắn hạn khác	3.978.749.548	69.346.930.114
Công ty TNHH Xây dựng TICCO	357.835.240	6.700.537.407
Công ty TNHH Bê tông TICCO	43.235.991	50.491.506.551
Sở tài chính tỉnh An Giang	255.168.853	255.168.853
Tạm ứng nhân viên	2.763.528.418	5.735.644.229
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	558.981.046	6.164.073.074
b/ Phải thu dài hạn khác	77.102.830.902	5.359.559.441
Ký quỹ vỏ chai oxy	105.900.000	69.000.000
Lợi nhuận các năm của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	76.996.930.902	5.290.559.441
Cộng	81.081.580.450	74.706.489.555

(*) Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập theo các tỷ lệ:

<u>Tuổi nợ</u>	<u>Tỷ lệ trích lập</u>	<u>Số dự phòng 30/09/2016</u>	<u>Số dự phòng 31/12/2015</u>
Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30%	57.693.113	
Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%	644.521.000	
Quá hạn trên 3 năm	100%	5.980.829.235	5.069.307.401
Cộng		6.683.043.348	5.069.307.401

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

(*Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác*)

7. Hàng tồn kho

	Số dư 30/09/2016		Số dư 31/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	2.487.137.287		1.818.810.755	
Công cụ, dụng cụ	1.144.023.620		3.999.125.848	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	92.512.132.305	(814.988.582)	151.981.234.415	(321.986.037)
Hàng hóa	1.092.400.401		5.985.963.299	
Cộng	97.235.693.613	(814.988.582)	163.785.134.317	(321.986.037)

(*) Bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình sau:

	Số dư 30/09/2016	Số dư 31/12/2015
Khu dân cư Long Thạnh Hưng	16.370.005.556	16.637.607.806
Khu dân cư đường Trương Định nối dài	4.380.816.919	4.310.388.747
Khu nhà ở TM xã Trung An	68.047.202.782	126.735.714.943
KDC đường Nguyễn Trãi nối dài	92.539.091	-
Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng	60.173.509	59.752.428
Khu dân cư Sông Đốc	447.548.000	447.548.000
Cụm CN Gia Thuận 1	120.320.909	-
Cụm CN Gia Thuận 2	106.951.818	-
Các công trình gia công sản phẩm cơ khí	142.179.982	690.892.746
Các công trình xây dựng	2.744.393.739	3.099.329.745
Cộng	92.512.132.305	151.981.234.415

8. Chi phí trả trước

	Số dư 30/09/2016	Số dư 31/12/2015
a/ Chi phí trả trước ngắn hạn	56.234.704	17.637.000
Chi phí khác	56.234.704	17.637.000
b/ Chi phí trả trước dài hạn	5.068.090.208	2.800.719.605
Công cụ, dụng cụ	4.468.871.354	2.108.618.484
Chi phí sửa chữa	466.544.713	426.752.840
Chi phí khác	132.674.141	265.348.281
Cộng	5.124.324.912	2.818.356.605

9. Tài sản cố định hữu hình

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm (01/01/2016)	3.933.306.563	14.064.003.037	7.769.719.922	375.693.636	26.142.723.158
- Mua trong năm	-	268.181.827	-	-	268.181.827
- Thanh lý, nhượng bán	-	56.664.117	1.029.863.050	-	1.086.527.167
Số dư 30/09/2016	3.933.306.563	14.275.520.747	6.739.856.872	375.693.636	25.324.377.818
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm (01/01/2016)	2.671.558.561	3.799.815.178	3.517.458.341	333.534.546	10.322.366.626
- Khấu hao trong kỳ	368.038.054	1.423.886.928	582.134.407	9.034.092	2.383.093.481
- Thanh lý, nhượng bán	-	7.083.012	159.333.852	-	166.416.864
Số dư 30/09/2016	3.039.596.615	5.216.619.094	3.940.258.896	342.568.638	12.539.043.243
Giá trị còn lại					
- Tại ngày 01/01/2016	1.261.748.002	10.264.187.859	4.252.261.581	42.159.090	15.820.356.532
- Tại ngày 30/09/2016	893.709.948	9.058.901.653	2.799.597.976	33.124.998	12.785.334.575
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng					
Tại ngày 01/01/2016	527.255.152	347.482.708	1.393.829.361	327.511.818	2.596.079.039
Tại ngày 30/09/2016	527.255.152	347.482.708	1.393.829.361	327.511.818	2.596.079.039
Giá trị còn lại của TSCĐ đang thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay và bảo lãnh tại BIDV - Tiền Giang					
Tại ngày 01/01/2016	1.010.002.190	10.264.187.859	3.512.002.153	42.159.090	14.828.351.292
Tại ngày 30/09/2016	679.726.012	9.058.901.653	2.799.597.976	33.124.998	12.571.350.639

10. Tài sản cố định vô hình (Phần mềm kế toán)

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2016	Tăng	Giảm	Số dư 30/09/2016
Nguyên giá	350.263.800	-	-	350.263.800
Giá trị hao mòn lũy kế	116.754.600	43.782.975	-	160.537.575
Giá trị còn lại	233.509.200	43.782.975	-	189.726.225

11. Chi phí xây dựng dở dang

	Số dư 30/09/2016	Số dư 31/12/2015
Chi phí xây dựng nhà máy bê tông	161.842.438	98.134.800
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	49.075.658
Mua sắm tài sản cố định	968.181.818	-
Chi phí thiết kế tòa nhà văn phòng TICCO	95.454.545	-
Cộng	1.225.478.801	147.210.458

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Các khoản chi phí trích trước	Số tiền tạm thu KD BĐS	Chi phí dự phòng	Các khoản lỗ tính thuế	Phân bổ tài sản dài hạn	Cộng
Số dư 01/01/2016	85.411.952	4.440.000	64.397.207	4.489.612.184	-	4.643.861.343
Ghi nhận vào KQKD	(21.401.208)	308.063.149	-	-	261.243.398	569.306.547
Số dư 30/09/2016	64.010.744	312.503.149	64.397.207	4.489.612.184	261.243.398	5.191.766.682

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số dư 30/09/2016	Số dư 31/12/2015
Phải trả người bán vật liệu xây dựng	1.409.847.834	954.514.900
Phải trả người bán thi công công trình	38.555.636.599	46.250.473.331
Phải trả người bán sửa chữa, gia công cơ khí	840.455.923	135.215.345
Phải trả người bán thi công cơ giới	420.924.408	186.578.712
Phải trả người bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất	2.931.972.372	1.272.546.490
Cộng	44.158.837.136	48.799.328.778

Bao gồm các khoản phải trả ngắn hạn của các người bán sau:

Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	32.330.523.773	34.380.631.295
Công ty CP ĐT & XD TICCO An Giang	2.029.454.426	2.280.932.426
DNTN Nguyễn Văn Sữa	136.616.912	747.639.807
Công ty TNHH Hòa Điền	1.118.820.200	868.805.200
Công ty CP Xây dựng 43	499.999.999	960.867.057
Cty TNHH CN XD Thịnh Điền	267.386.700	1.625.945.364
DNTN Xây Dựng Thuận Thành	2.127.459.799	533.702.400
Các khách hàng khác	5.648.575.327	7.400.805.229
Cộng	44.158.837.136	48.799.328.778

Trong đó phải trả người bán là các bên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số dư 30/09/2016	Số dư 31/12/2015
liên quan		
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	11.788.920	16.242.700
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	32.330.523.773	34.380.631.295
Công ty CP ĐT & XD TICCO An Giang	2.029.454.426	2.280.932.426
Cộng	34.371.767.119	36.677.806.421

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số dư 30/09/2016	Số dư 31/12/2015
Người mua vật liệu xây dựng trả tiền trước	15.350.000	194.542.500
Người mua thi công công trình trả tiền trước	19.772.608.500	25.472.806.167
Người mua sửa chữa, gia công cơ khí trả tiền trước	251.591.000	97.397.000
Người mua thi công cơ giới trả tiền trước	-	33.800.000
Người mua chuyển nhượng quyền sử dụng đất trả tiền trước	32.887.725.500	8.786.411.500
Cộng	52.927.275.000	34.584.957.167

Bao gồm các khoản người mua ứng tiền trước sau:

Ban QLDA chuyên ngành NN và PTNT tỉnh Bến Tre	7.654.324.000	14.952.060.167
BQL DA 1 Sở NN & PT NT Cà Mau	4.695.000.000	-
BQL các DA ĐT XD ngành NN Tiền Giang	251.591.000	3.376.672.000
Sở NN& PTNT tỉnh Trà Vinh	6.612.236.500	4.400.000.000
Khách hàng dự án khu nhà ở TM xã Trung An	30.350.612.000	0
Khách hàng KDC Trương Định	2.000.125.000	2.000.125.000
Các khách hàng khác	1.363.386.500	9.856.100.000
Cộng	52.927.275.000	34.584.957.167

Trong đó người mua trả tiền trước là các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	-	97.397.000
--------------------------------	---	------------

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2016		Số phát sinh trong kỳ			Số dư 30/09/2016	
	Phải thu	Phải nộp	Số đã nộp	Số được khấu trừ	Số phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.881.237.234	1.571.410.187	-	3.829.888.111	-	4.139.715.158
Thuế Thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công	-	14.131.185	109.711.235	-	94.591.646	988.404	-
Thuế thu nhập cá nhân đầu tư vốn	-	365.937.983	1.013.464.173	-	722.894.703	-	75.368.513
Thuế GTGT	-	0	7.758.882.794	17.835.844.189	26.383.998.227	-	789.271.244
Thuế môn bài	-	0	8.000.000	-	8.000.000	-	-
Thuê đất	-	0	172.314.671	-	264.126.225	-	91.811.554
Cộng	-	2.261.306.402	10.633.783.060	17.835.844.189	31.303.498.912	988.404	5.096.166.469

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số dư 30/09/2016</u>	<u>Số dư 31/12/2015</u>
Phải trả gia công sản phẩm cơ khí	137.954.000	76.460.600
Giá vốn ước tính các dự án khu dân cư	55.256.026.416	26.451.337.986
Chi phí thi công công trình xây dựng	7.598.654.033	2.255.233.224
Phải trả chi phí thi công cơ giới	-	240.513.927
Chi phí lãi vay phải trả	-	2.124.963.099
Các chi phí phải trả khác	-	63.486.280
Cộng	<u>62.992.634.449</u>	<u>31.211.995.116</u>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số dư 30/09/2016</u>	<u>Số dư 31/12/2015</u>
Kinh phí công đoàn	42.169.403	32.532.343
Bảo hiểm xã hội	26	1.654.063
Thù lao HDQT	66.688.732	66.688.732

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số dư 30/09/2016	Số dư 31/12/2015
Thuế TNCN	5.967.802	5.967.802
Công ty phát triển hạ tầng KCN	-	1.721.032.989
Hoa hồng bán hàng	484.779.174	484.779.174
Hoán đổi đất nền KDC Trương Định	364.000.887	318.999.998
Phải trả cổ phần hóa	176.790.020	176.790.020
Công ty cổ phần TESTCO	13.186.591	13.186.591
Các khoản phải trả khác	786.785.365	337.239.374
Cộng	1.940.368.000	3.158.871.086
18. Doanh thu chưa thực hiện		
	Số dư 30/09/2016	Số dư 01/01/2016
Doanh thu chưa thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án khu nhà ở TM xã Trung An	20.132.208.257	-
Cộng	20.132.208.257	-

19. Vay và nợ thuê tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số dư 30/09/2016	Trong kỳ		Số dư 01/01/2016
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
Vay ngắn hạn	19.463.298.117	32.775.891.606	(141.986.604.968)	128.674.011.509
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>15.762.771.117</i>	<i>27.402.540.243</i>	<i>(133.013.750.635)</i>	<i>121.373.981.509</i>
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	12.084.629.117	26.519.540.243	(35.319.650.435)	20.884.739.309
Vay ngắn hạn cá nhân - Dự án KDC Lê Văn Phẩm	3.678.142.000	883.000.000	(97.694.100.200)	100.489.242.200
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>3.700.527.000</i>	<i>5.373.351.363</i>	<i>(8.972.854.333)</i>	<i>7.300.030.000</i>
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang đến hạn trả	-	-	(280.000.000)	280.000.000
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang đến hạn trả	3.700.527.000	3.165.018.000	(6.484.521.000)	7.020.030.000
Vay dài hạn - Quỹ đầu tư	-	2.208.333.333	(2.208.333.333)	-
Vay dài hạn	34.744.732.000	27.000.000.000	(10.915.018.000)	18.659.750.000
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	-	-	(407.000.000)	407.000.000
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang	14.040.732.000	-	(4.212.018.000)	18.252.750.000
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang	20.704.000.000	27.000.000.000	(6.296.000.000)	-
Tổng cộng	54.208.030.117	59.775.891.576	(152.901.622.968)	147.333.761.509

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có chi tiết các khoản vay và nợ như sau:

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/433488/HĐTD ngày 14 tháng 8 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND, thời hạn 12 tháng kể từ ngày 14 tháng 08 năm 2015 và được gia hạn đến hết ngày 16 tháng 10 năm 2016. Các khoản vay này có thời gian vay 6 tháng và chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất Ngân hàng trong từng thời kỳ, lãi suất áp dụng từ 7%/ năm đến 7,2%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng và gia công các sản phẩm cơ khí, cửa công công trình thủy lợi và thi công các công trình. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất thuê tại số 90, đường Đinh Bộ Lĩnh, P.9, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và toàn bộ tài sản cố định hữu hình, toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng và quyền đòi nợ (khoản phải thu) để thế chấp cho khoản vay này.
- (ii) Ngoài ra, Công ty còn ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2015/433488/HĐBL ngày 14 tháng 8 năm 2015 với hạn mức bảo lãnh là 150.000.000.000 VND, thời hạn 12 tháng kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2015 và được gia hạn đến hết ngày 16 tháng 10 năm 2016. Như điều kiện đảm bảo tại Hợp đồng tín dụng hạn mức được trình bày ở trên, Công ty còn ký quỹ 5%/ giá trị bảo lãnh bằng tiền gửi không kỳ hạn của Bên được bảo lãnh hoặc cầm cố bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức này.
- (iii) Công ty vay ngắn hạn các cá nhân trong và ngoài Công ty để hỗ trợ cho Dự án KDC Lê Văn Phẩm hay Dự án Khu nhà ở thương mại xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, đây là Dự án bán đất nền của Công ty được cấp Giấy chứng nhận đầu tư ngày 9 tháng 01 năm 2014. Các Hợp đồng vay tiền có thời hạn 1 năm, lãi suất vay được thỏa thuận với các đối tượng: 0%/năm cho các đối tượng cho vay thuộc diện đền bù giải tỏa trong Khu Dân cư, 6%/năm cho các đối tượng cho vay trong tháng 02 năm 2015 và 3%/năm cho các đối tượng cho vay trong thời gian sau tháng 02 năm 2015.
- (iv) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 0282/15/TD/XXVI ngày 10 tháng 02 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 45.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 48 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn thực hiện Dự án Khu nhà ở thương mại xã Trung An, thành phố Mỹ Tho (Dự án Khu Dân cư Lê Văn Phẩm). Công ty sử dụng các quyền sử dụng đất của Dự án Khu Dân cư Long Thạnh Hưng, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang và quyền sử dụng đất tại P.6 TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang để thế chấp cho khoản vay này.
- (v) Khoản vay dài hạn Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD ngày 25 tháng 02 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 48 tháng, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn thực hiện Dự án khu nhà ở thương mại xã Trung An. Công ty sử dụng các quyền sử dụng đất của dự án khu nhà ở thương mại xã Trung An để đảm bảo cho khoản vay này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số dư 30/09/2016	Số dư 31/12/2015
Dự phòng phải trả các công trình cơ khí	278.360.520	295.786.355
Dự phòng phải trả các công trình thi công xây dựng	1.077.133.887	764.509.084
Cộng	1.355.494.407	1.060.295.439

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2016	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Sử dụng các quỹ trong năm	Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ phúc lợi	Số dư 30/09/2016
Quỹ khen thưởng	19.147.372	2.797.258.978	1.777.335.000	-	1.039.071.350
Quỹ phúc lợi	695.255.674	2.237.807.182	573.727.000	-	2.359.335.856
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	59.467.815	-	-	15.291.720	44.176.095
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	939.792	6.200.851.911	4.340.596.338	-	1.861.195.365
Cộng	774.810.653	11.235.918.071	6.691.658.338	15.291.720	5.303.778.666

22. Vốn đầu tư chủ sở hữu

a. Tình hình vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2015	100.000.000.000	10.700.000.000	28.489.791.061	24.921.335.435	164.111.126.496
Lãi trong năm	-	-	-	55.215.731.544	55.215.731.544
Trích lập các quỹ	-	-	1.692.666.724	(2.896.152.764)	(1.203.486.040)
Chia cổ tức	-	-	-	(13.000.000.000)	(13.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	100.000.000.000	10.700.000.000	30.182.457.785	64.240.914.215	205.123.372.000
Số dư tại ngày 01/01/2016	100.000.000.000	10.700.000.000	30.182.457.785	64.240.914.215	205.123.372.000
Tăng trong kỳ	-	-	-	66.463.252.788	66.463.252.788
Trích lập các quỹ	-	-	5.594.517.955	(16.830.436.026)	(11.235.918.071)
Chia cổ tức	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/09/2016	100.000.000.000	10.700.000.000	35.776.975.740	93.873.730.977	240.350.706.717

Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2016

b. Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty tương ứng là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 30/09/2016, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ theo giấy phép.

Ngày 15/09/2016, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán 2.000.000 cổ phiếu ra công chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

c. Cổ phiếu

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chứng	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016</u>	<u>Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015</u>
Tổng doanh thu	121.450.844.017	47.199.151.612
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	6.424.385.862	8.071.875.563
Doanh thu thi công công trình xây dựng	52.914.769.258	33.215.007.419
Doanh thu gia công sản phẩm cơ khí	11.814.734.606	3.245.484.816
Doanh thu thi công cơ giới	1.880.392.085	1.043.783.450
Doanh thu kinh doanh bất động sản	48.416.562.206	1.623.000.364
Các khoản giảm trừ doanh thu	109.008.591	-
Doanh thu thuần	121.341.835.426	47.199.151.612

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016</u>	<u>Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015</u>
Giá vốn bán vật liệu xây dựng	5.285.054.180	7.252.506.839

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015
Giá vốn thi công công trình	50.152.143.381	31.840.182.390
Giá vốn gia công sản phẩm cơ khí	9.148.705.851	2.807.964.989
Giá vốn thi công cơ giới	1.640.661.797	1.712.824.894
Giá vốn kinh doanh bất động sản	40.925.588.450	1.334.236.600
Cộng	107.152.153.659	44.947.715.712
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015
Lãi tiền gửi ngân hàng	727.988.630	336.590.906
Lãi cho vay	43.235.991	43.235.991
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	15.600.000	15.600.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty con	17.355.602.366	14.971.348.696
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.641.258	2.972.990
Cộng	18.144.068.245	15.369.748.583
4. Chi phí tài chính		
	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015
Chi phí lãi vay	202.207.545	244.277.057
Chi phí dự phòng (hoàn nhập)	(158.290.573)	371.569.440
Cộng	43.916.972	615.846.497
5. Chi phí bán hàng		
	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015
Chi phí nhân viên	313.916.575	180.379.520
Chi phí vật liệu, bao bì	625.110.925	240.474.170

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.302.293	26.744.934
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.305.420	4.102.030
Chi phí bằng tiền khác	45.560.546	65.878.754
Cộng	1.011.195.759	517.579.408
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015
Chi phí nhân viên quản lý	2.199.904.315	1.761.135.026
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	96.558.423	50.736.235
Chi phí dụng cụ quản lý	91.406.356	75.287.393
Chi phí khấu hao	203.554.948	205.634.103
Thuế, phí, lệ phí	99.232.628	89.135.260
Chi phí dự phòng (hoàn nhập)	1.380.281.827	(55.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	131.184.549	121.952.330
Chi phí bằng tiền khác	851.633.188	877.883.347
Cộng	5.053.756.234	3.126.763.694
7. Thu nhập khác		
	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015
Doanh thu cho thuê mặt bằng	-	25.051.372
Doanh thu cho thuê xe	-	8.530.650
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	194.061.647	64.531.527
Thu nhập từ xử lý công nợ	-	1
Thu khác	400.000	1.500.00
Cộng	194.461.647	99.613.550

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Chi phí khác

	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015
Chi phí xử lý công nợ	2.317	-
Tiền phạt	10.912.372	-
Cộng	10.914.689	-

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/07/2015 đến 30/09/2015
Chi phí nguyên vật liệu	22.516.082.266	19.234.577.035
Chi phí nhân viên	9.454.429.979	10.335.738.298
Chi phí khấu hao	1.001.376.824	931.371.243
Chi phí dịch vụ mua ngoài	111.261.350.337	10.749.645.280
Chi phí bằng tiền khác	4.136.905.555	12.562.213.154
Cộng	148.370.144.961	53.813.545.010

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các bên liên quan

1.1. Chi tiết giao dịch trong giai đoạn từ ngày 01/07/2016 đến ngày 30/09/2016 với các bên liên quan

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền
BÁN			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Lãi cho vay	43.235.991
		Bán vật tư	2.601.455.863
		Gia công cơ khí	3.273.694.489
		Thuê thiết bị	51.026.546
		Thuê ca máy phục vụ	11.077.307
		Cộng	5.980.490.196
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Chi hộ (hồ sơ thầu)	66.129.168
		Thuê đất	38.298.340
		Bán vật tư	1.951.012.270
		Gia công cơ khí	250.494.033
		Thuê thiết bị	1.666.947.357

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền
		Tiền điện	5.897.377
		Ca máy phục vụ	2.783.987
		Cộng	3.981.562.532
MUA			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Cấp vật tư	157.898.454
		Bê tông tươi	2.453.975.086
		Cộng	2.611.873.540
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Thi công công trình	23.211.676.164
		Vật tư	13.636.364
		Cộng	23.225.312.528
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Công ty con	Thi công công trình	1.387.779.048

1.2. Chi tiết số dư tại ngày 30/09/2016 với các bên liên quan

Bên liên quan	Quan hệ	Số dư các khoản mục	Số dư tại ngày 30/09/2016
PHẢI THU			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Phải thu lợi nhuận 2015	33.590.011.846
		Phải thu lợi nhuận 2016	43.406.919.056
		Bán vật liệu xây dựng	2.642.464.430
		Thuê thiết bị	56.129.200
		Gia công cơ khí	2.407.965.000
		Lãi vay	43.235.991
		Cho vay dài hạn	16.918.431.393
		Ứng trước cho người bán	768.008.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Bán vật tư	733.968.000
		Thuê thiết bị	2.187.657.490
		Chi phí chi hộ	269.434.156
		Thuê đất	88.401.084
		Gia công cơ khí	185.785.413
		Ứng trước thi công công trình	621.104.270
PHẢI TRẢ			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Bê tông tươi	11.788.920
		Phải trả tiền thuê cấp	29.497.500

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên liên quan	Quan hệ	Số dư các khoản mục	Số dư tại ngày 30/09/2016
		vật tư	
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Mua vật tư	15.000.000
		Phải trả khối lượng công trình	32.330.523.773
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Công ty con	Phải trả khối lượng công trình	2.029.454.426

2. Thông tin bộ phận

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Thi công công trình	Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	Thi công cơ giới	Kinh doanh bất động sản	Không phân bổ	Tổng cộng các bộ phận
9 tháng đầu năm 2016							
Doanh thu thuần bộ phận	19.279.896.298	101.347.027.488	19.216.014.495	4.939.982.140	142.215.196.193	-	286.998.116.614
Giá vốn bộ phận	16.311.593.622	94.663.408.710	15.436.268.704	4.696.501.396	121.140.881.399	-	252.248.653.831
Chi phí bán hàng	3.354.388.465	-	-	-	840.074.471	-	4.194.462.936
Chi phí quản lý doanh nghiệp	484.395.527	6.824.607.343	904.060.064	470.616.462	3.662.645.476	-	12.346.324.872
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	(870.481.316)	(140.988.565)	2.875.685.727	(227.135.718)	16.571.594.847	-	18.208.674.975
Doanh thu hoạt động tài chính	399.595	3.113.377	6.715.139	755.105	940.068	52.251.843.658	52.263.766.942
Chi phí tài chính	151.096.254	270.856.117	76.106.667	-	-	454.297.099	952.356.137
Thu nhập khác	-	124.942.973	167.372.894	200.000	-	305.016.380	597.532.247
Chi phí khác	6.900.000	2	6.442	44.159	-	365.431.864	372.382.467
Lợi nhuận trước thuế	(1.028.077.975)	(283.788.334)	2.973.660.651	(226.224.772)	16.572.534.915	51.737.131.075	69.745.235.560
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	3.829.888.111	-	3.829.888.111
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(261.243.398)	-	-	-	(286.661.941)	-	(547.905.339)
Lợi nhuận sau thuế	(766.834.577)	(283.788.334)	2.973.660.651	(226.224.772)	13.029.308.745	51.737.131.075	66.463.252.788

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thông tin về tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Thi công công trình	Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	Thi công cơ giới	Kinh doanh bất động sản	Không phân bổ	Tổng cộng các bộ phận
Số dư ngày 30/09/2016							
Tài sản							
Tài sản bộ phận	7.943.678.032	117.009.013.286	6.217.594.837	6.417.909.174	168.779.725.305	-	306.367.920.634
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	184.509.710.130	184.509.710.130
Tổng tài sản	7.943.678.032	117.009.013.286	6.217.594.837	6.417.909.174	168.779.725.305	184.509.710.130	490.877.630.764
Nợ phải trả							
Nợ phải trả bộ phận	1.546.288.463	81.826.103.882	2.368.293.405	1.090.942.197	158.391.517.434	-	245.223.145.381
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	5.303.778.666	5.303.778.666
Tổng nợ phải trả	1.546.288.463	81.826.103.882	2.368.293.405	1.090.942.197	158.391.517.434	5.303.778.666	250.526.924.047
Số dư ngày 01/01/2016							
Tài sản							
Tài sản bộ phận	11.204.216.058	26.647.588.061	4.201.052.919	4.607.411.037	150.168.067.521	-	196.828.335.596
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	280.592.712.691	280.592.712.691
Tổng tài sản	11.204.216.058	26.647.588.061	4.201.052.919	4.607.411.037	150.168.067.521	280.592.712.691	477.421.048.287
Nợ phải trả							
Nợ phải trả bộ phận	1.178.232.400	75.961.205.043	1.316.859.830	1.018.666.169	42.572.586.537	-	122.047.549.979
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	150.250.126.308	150.250.126.308
Tổng nợ phải trả	1.178.232.400	75.961.205.043	1.316.859.830	1.018.666.169	42.572.586.537	150.250.126.308	272.297.676.287

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P9, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 3/2016 (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán. Số liệu quý 3 năm 2016 của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ được so sánh với số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ quý 3 năm 2015.

Tiền Giang, ngày 25 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu



HUỖNH THỊ MỸ HƯƠNG

Kế toán trưởng



LÊ MỸ PHƯỢNG

Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN